

Số 2344 /TĐC-ĐL

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM
PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

Địa chỉ trụ sở chính: 54 Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.39433840

Fax: 024.39433844

Email: vinacontrol@vinacontrol.com.vn

Đã đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Địa điểm hoạt động: tại hiện trường

2. Số đăng ký: ĐK 287.

3. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp: Lần 3./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol;
- Chi cục TCDLCL TP. Hà Nội;
- Lưu: VT, DL.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Hà Minh Hiệp

Phụ lục

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH,
HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 234/TĐC-ĐL ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
1	Bể đóng cố định kiểu trụ đứng	trên 100 m ³	± 0,5 %	Kiểm định	
2	Bể đóng cố định kiểu trụ nằm ngang	đến 100 m ³	± 0,5 %	Kiểm định	
		trên 100 m ³		Kiểm định Hiệu chuẩn	
3	Máy thở	lưu lượng khí thở: ± 300 L/min	± 3,4 % hoặc ± 0,08 L/min ^(*)	Kiểm định	Bổ sung
		áp suất đường thở: ± 150 mbar	± 1 % hoặc ± 0,2 mbar ^(*)		
		thể tích khí lưu thông: (0 ÷ 10) L	± 3,5 % hoặc ± 10 mL ^(*)		
		thời gian thở: (0,05 ÷ 60) s	± 0,05 s ^(*)		
		nhịp thở: (1 ÷ 150) bpm (nhịp/phút)	± 2 % ^(*)		
		tỷ số I:E: (1:200 ÷ 200:1)	± 4 % hoặc ± 0,2 ^(*)		

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
4	Máy gây mê kèm thở	lưu lượng khí thở: $\pm 300 \text{ L/min}$	$\pm 3,4 \%$ hoặc $\pm 0,08 \text{ L/min}^{(*)}$	Kiểm định	Bổ sung
		thể tích khí lưu thông: $(0 \div 10) \text{ L}$	$\pm 3,5 \%$ hoặc $10 \text{ mL}^{(*)}$		
		thời gian thở: $(0,05 \div 60) \text{ s}$	$\pm 0,05 \text{ s}^{(*)}$		
		nhịp thở: $(1 \div 150) \text{ bpm}$ (nhịp/phút)	$\pm 2 \%^{(*)}$		
		nồng độ khí Sevoflurane: $(0 \div 8) \%$	$\pm 0,8 \%^{(*)}$		
		nồng độ khí Isoflurane: $(0 \div 5) \%$	$\pm 0,4 \%^{(*)}$		
		nồng độ khí Enflurane: $(0 \div 5) \%$	$\pm 0,4 \%^{(*)}$		
5	Dao mổ điện cao tần	công suất: $(0 \div 500) \text{ W}$	$\pm 10 \%^{(*)}$	Kiểm định	Bổ sung
		dòng điện: $(0 \div 5\,500) \text{ mA}$	$\pm (5 \% \text{ giá trị đo} + 2 \text{ mA})^{(*)}$		
		điện áp định: 10 kV	$\pm (20 \% \text{ giá trị đo} + 50 \text{ V})^{(*)}$		
		điện trở kiểm tra CQM: $(0 \div 475) \Omega$	$\pm 10 \%^{(*)}$		

(*): Sai số lớn nhất cho phép.

8